

Số 1 Phở Quang, P.2, Q. Tân Bình, TP.HCM  
Số : 10./2020-SVLC/CBTT

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2020

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v: Thông báo kết quả kiểm toán Nhà nước năm 2018

**Kính gửi:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Nhân Lực Quốc tế SOVILACO**

Mã chứng khoán : SVL

Trụ sở chính: Số 01 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân bình, TP.HCM

Điện thoại: 028 39976320

Fax: 028 39976321

**2. Người thực hiện công bố thông tin: CHU VĨNH PHÚC**

Địa chỉ: 359/12 Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại : 0908.007.959

Fax: 028 39976321

Loại thông tin công bố :  24h  72h  yêu cầu  bất thường  định kỳ

**Nội dung thông tin công bố :**

Thông báo kết quả kiểm toán Nhà nước năm 2018

Đính kèm Thông báo số 1299/TB-KTNN.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/01/2020, tại đường dẫn [www.sovilaco.com.vn](http://www.sovilaco.com.vn).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Trưởng ban kiểm soát  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
NHÂN LỰC QUỐC TẾ  
SOVILACO

Chu Vĩnh Phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019



**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TOÁN**  
**TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC QUỐC TẾ SOVILACO**

Kính gửi: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco

Thực hiện Quyết định số 1520/QĐ-KTNN ngày 29/8/2019 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco từ ngày 16 tháng 9 năm 2019 đến hết ngày 27 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ kết quả kiểm toán tại Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán và Báo cáo kiểm toán của Đoàn kiểm toán, Kiểm toán nhà nước thông báo kết luận và kiến nghị kiểm toán tại Công ty để đơn vị biết và tổ chức thực hiện như sau:

**I. KẾT LUẬN KIỂM TOÁN**

Các kết quả kiểm toán về số liệu, nhận xét, đánh giá được thể hiện trong Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán đã được ký với đơn vị ngày 27 tháng 9 năm 2019 và xác nhận số liệu quyết toán theo Phụ lục số 05/HSKT-KTNN kèm theo.

Sau đây là một số kết luận chủ yếu:

Năm 2018, Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý và ban hành các quy định nội bộ để điều hành hoạt động kinh doanh đảm bảo có lãi (lợi nhuận kế toán trước thuế 1.151trđ, lợi nhuận sau thuế 785trđ). Tuy nhiên, qua kiểm toán cho thấy một số tồn tại như sau:

**1. Chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính, kế toán và quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công**

**1.1. Quản lý tài chính, kế toán**

**1.1.1. Quản lý tài sản**

- Phải thu ngắn hạn khách hàng: 1.856,9trđ (trong đó: Văn phòng công ty: 415trđ; Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế: 1.442trđ). Văn phòng đã thực hiện xác nhận công nợ đối với khoản phải thu khách hàng (có 12/12 khách hàng đã phản hồi). Tuy nhiên, Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế chưa thực hiện xác nhận công nợ đối với khoản phải thu khách hàng (8 mã đối tượng), chủ yếu là các khoản phải thu với khách hàng thực hiện hợp đồng về đào tạo và cho thuê nhà, trong đó có khoản phải thu khó đòi của Trung tâm Sáng kiến Ý 1.239trđ.

- Phải thu ngắn hạn khác 12.941trđ, trong đó: Văn phòng Công ty: 11.253trđ và Trường Trung cấp Nhân lực Quốc tế: 1.688trđ. Qua kiểm toán cho thấy công tác quản lý công nợ của Công ty còn chưa chặt chẽ: còn tồn tại công nợ phải thu khó đòi từ Công ty

A.F.A; Công ty Sáng kiến Ý; Trường TCN Nhân lực Quốc tế và đồng thời bị Công ty cổ phần Kim Loại Màu Bắc Hà (Công ty Bắc Hà) chiếm dụng vốn trong thời gian dài, đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa có phương án thu hồi công nợ cũng như xác định mức thiệt hại do việc bị chiếm dụng vốn gây nên, cụ thể như sau:

+ Tại Văn phòng công ty, phải thu ngắn hạn khác bao gồm: tạm ứng: 1.785trđ (đã xác nhận công nợ với 18/20 mã đối tượng) và phải thu khác: 9.467trđ, trong đó chủ yếu là và khoản phải thu khó đòi: Khoản phải thu đối với công ty A.F.A: 3.424trđ; phát sinh từ 02 hợp đồng ủy thác nhập khẩu từ năm 2006. Năm 2009, đơn vị đã khởi kiện đối với công ty A.F.A đối với khoản công nợ này. Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã tuyên công ty A.F.A có trách nhiệm thanh toán cho đơn vị nhưng ngày 07/3/2011, Văn phòng thừa phát lại Quận Tân Bình đã có Quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án do căn cứ kết quả xác minh điều kiện thi hành do Công ty A.F.A không có tài sản thi hành án. Ngày 31/12/2016 và ngày 31/12/2018, Công ty A.F.A đã có biên bản xác nhận công nợ với đơn vị. Đơn vị đã trích lập dự phòng khó đòi 100% trước khi cổ phần hóa. Tuy nhiên, khi tiến hành cổ phần hóa, các khoản dự phòng đã hoàn nhập vào giá trị doanh nghiệp làm tăng vốn nhà nước. Căn cứ theo điểm 1 Điều 6 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, đơn vị đủ điều kiện trích lập dự phòng, tuy nhiên việc hoàn nhập dự phòng ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hoá và quyền lợi của cổ đông thiểu số.

+ Khoản thu từ Công ty Bắc Hà: 4.984trđ (trong đó: thuế VAT nộp hộ: 4.540trđ, thuế văn phòng 444trđ), đây là khoản công nợ từ việc thực hiện hợp đồng thuê văn phòng số 14/HĐTMB/SVLC-BH ngày 10/07/2009 với Công ty Bắc Hà, đơn vị đã xuất hóa đơn GTGT ngày 29/7/2011: 49.945trđ (đã bao gồm thuế VAT), tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán khách hàng chưa thanh toán số tiền 4.984trđ.

+ Tại Trường Trung cấp Nhân lực Quốc tế: 1.688trđ bao gồm khoản tạm ứng: 363trđ (đã xác nhận công nợ với 7/12 mã đối tượng); quỹ, ký cược ngắn hạn: 0,7trđ, phải thu ngắn hạn khác đối với cán bộ công nhân viên trường nhân lực quốc tế 1.324trđ (đây là khoản chi ứng trước tiền lương tăng thêm cho 40 người giai đoạn 2007-2009, hầu hết các cán bộ giảng viên đã nghỉ hưu, không thể thu hồi). Đơn vị không đủ điều kiện để trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản tiền lương ứng trước cho cán bộ nêu trên (căn cứ theo điểm 1 điều 6 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009).

### **1.1.2. Về quản lý nguồn vốn**

Đối với các khoản công nợ phải trả: Công ty đã mở chi tiết theo dõi từng đối tượng nhưng chưa thực hiện đối chiếu xác nhận nợ phải trả theo quy định.

### **1.1.3. Quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh**

a. Quản lý doanh thu, thu nhập: Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 là 26.570trđ; trong đó Văn phòng Công ty: 21.176trđ; Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế. Qua kiểm toán cho thấy Công ty đã theo dõi và hạch toán các khoản doanh thu theo quy định, tuy nhiên Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế đang cho thuê phòng sử dụng hàng tháng 03 phòng tại Lầu 2 của Trường (từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2018) và sử dụng 05 phòng tại lầu 1 tổng số tiền 153trđ nhưng đơn vị đang xác định

là loại hình liên kết đào tạo không chịu thuế GTGT. Qua kiểm toán, KTNN xác định tăng thuế GTGT phải nộp là 13.909.090đ.

b. Tổng chi phí trong năm là 26.283trđ; trong đó chủ yếu là giá vốn hàng bán 16.693trđ; Chi phí bán hàng 748trđ; Chi phí QLDN 8.539trđ; Chi phí khác 303trđ. Qua kiểm toán cho thấy đối với quản lý giá vốn hàng bán, đơn vị chưa thực hiện việc phân bổ chi phí theo từng loại hình hoạt động dẫn đến chưa đánh giá được hiệu quả của từng loại hình hoạt động.

#### **1.1.4. Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước**

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước còn phải nộp theo báo cáo là 594.657.186đ, bao gồm: Thuế TNDN phải nộp còn phải nộp là 356.532.780đ; thuế GTGT còn phải nộp là 68.106.150đ, KTNN xác định tăng 22.487.130đ; Thuế TNCN còn phải nộp là 170.018.256đ. Trong đó, KTNN điều chỉnh tăng khoản thuế GTGT phải nộp 22.487.130đ, gồm:

- Thuế GTGT tại Trường TCN Nhân lực Quốc tế tăng 13.909.090đ do tính thuế VAT 10% với doanh thu cho thuê dịch vụ.

- Thuế GTGT tại Văn phòng còn phải nộp trong năm tăng 8.578.040đ do đơn vị chưa xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đối với hàng hóa bán ra là quà tặng cho đối tác nước ngoài số tiền 85.780.409 đồng (thuế suất 10%).

#### **1.1.5. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai**

Công ty chậm xử lý việc lấn chiếm đất đai để tình trạng lấn chiếm, tranh chấp kéo dài từ nhiều năm nay, bên cạnh đó để hoang phí mà không có phương án khai thác sử dụng (1.281m<sup>2</sup> không tranh chấp) tại cơ sở nhà đất tại số 100/9 đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP.HCM;

Công ty chậm lên phương án đầu tư nhằm khai thác tối đa lợi thế về đất tại cơ sở nhà, đất tại số 293 đường Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP Hồ Chí Minh theo chỉ đạo của Bộ LĐTĐXH tại Công văn số 1424/LĐTĐXH KHTC ngày 06/5/2010.

### **2. Công tác quản lý người đại diện phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp**

Người đại diện phần vốn Nhà nước tại đơn vị thực hiện việc báo cáo thường niên, định kỳ về đơn vị chủ quản theo quy định; Trong năm 2018, do hoạt động của Công ty không đạt các chỉ của Bộ LĐTĐXH giao (chỉ tiêu lợi nhuận 1.151trđ tương đương 2,4%, đạt 60% so với kế hoạch kinh doanh năm 2018 được giao); Bộ LĐTĐXH đã có công văn số 3017/LĐTĐXH-KHTC ngày 25/7/2019 yêu cầu người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp tự kiểm điểm và báo cáo kết quả về Bộ, ngày 26/7/2019 người đại diện phần vốn nhà nước đã có văn bản số 274/NDDVNN báo cáo giải trình Bộ LĐTĐXH về các chỉ tiêu kinh tế năm 2018.

### **3. Tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công**

- Tính kinh tế, hiệu quả: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thuế năm 2018 của Công ty qua kiểm toán là 1.151trđ giảm 41 % so với năm trước.

- Hiệu lực trong điều hành, quản lý, sử dụng vốn và tài sản: Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý và ban hành các quy định nội bộ để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy vậy, công tác quản lý, theo dõi tài sản, công nợ còn một số hạn chế như đã nêu ở phần trên.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản 1,48 %.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn góp của chủ sở hữu 3,52 %.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng doanh thu đạt 4,33 %.
- Khả năng thanh toán hiện hành: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả là 1,79 lần.
- Khả năng thanh toán ngắn hạn: Tổng tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn 2,71 lần.

Qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán cho thấy: Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán ngắn hạn được đảm bảo. Tuy nhiên, năm 2018 công ty có lãi chủ yếu từ tiền cho thuê văn phòng, năm 2019 có nhiều khó khăn như hoạt động xuất khẩu lao động của công ty ngày càng bị cạnh tranh.... Những vấn đề này làm tiềm ẩn nguy cơ khó khăn nếu không có những giải pháp cải tiến, khắc phục.

#### **4. Các nội dung kiểm toán khác**

a) Việc quản lý các chi nhánh: Hiện nay, Công ty có 2 chi nhánh (Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Nhật Bản) và 01 Văn phòng Vinh, đến nay đã dừng hoạt động. Các chi nhánh này thực hiện việc hạch toán phụ thuộc công ty, do khó khăn trong hoạt động kinh doanh công ty đã thực hiện việc dừng hoạt động. Đề nghị công ty thực hiện việc xác định công nợ và quản lý các tài sản liên quan đến các Chi nhánh theo đúng quy định hiện hành.

b) Công tác quản lý Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế:

- Trường là đơn vị hạch toán độc lập Công ty;
- Công ty phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động của nhà trường về chuyên môn nghiệp vụ và công tác quản lý tài chính, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

## **II. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco**

1.1. Kiến nghị điều chỉnh sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2018 theo kết luận và kiến nghị của KTNN.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính (Chi tiết Phụ lục số 02/HSKT-KTNN)

Nộp vào NSNN thuế GTGT do KTNN phát hiện tăng thêm, số tiền 22.487.130đ (trong đó Văn phòng 8.578.040đ; Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế 13.909.090đ).

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý ngân sách, tiền và tài sản nhà nước

1.3.1. Công tác quản lý tại Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế và các Chi nhánh: Công ty cần thực hiện việc phân cấp, phân quyền đối với trường để đảm bảo chặt chẽ, an toàn trong quản lý, gắn quyền hạn với trách nhiệm và đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; Tổ chức kiểm tra hoạt động của nhà trường theo đúng chức năng nhiệm vụ, thực hiện việc kiểm tra tài chính, phê duyệt kế hoạch tài chính, thu, chi

tài chính hàng năm của nhà trường; Thực hiện điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ của trường theo quy chế của Công ty; Thực hiện việc đối chiếu và xử lý công nợ, tài sản liên quan đến các Chi nhánh theo quy định;

### 1.3.2. Chân chính về quản lý công nợ:

- Đối với công nợ phải trả: Thực hiện theo dõi công nợ phải trả còn tồn đọng và quản lý công nợ theo quy định;

- Đối với công nợ phải thu:

+ Các khoản công nợ phải thu khó đòi: Công ty rà soát các khoản nợ phải thu khó đòi, đốc thúc thu nợ và tập hợp hồ sơ về nợ khó đòi trình hội đồng quản trị công ty, tiến hành xử lý nợ, xác định mức trích lập dự phòng, xử lý tài chính theo quy định, tiến hành các biện pháp bằng pháp luật (khi đủ điều kiện) để thu hồi công nợ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xin ý kiến xử lý dứt điểm các khoản công nợ tồn đọng kéo dài;

+ Đối với khoản công nợ từ Công ty cổ phần Kim loại Màu Bắc Hà: Yêu cầu Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ bị chiếm dụng kéo dài từ năm 2009 (tính đến 31/12/2018 số tiền nợ gốc, chưa bao gồm lãi suất hoặc tiền phạt chậm trả là 4.984.530.000đ), tính toán đầy đủ các khoản phạt chậm trả, lãi suất quy đổi và thực hiện nghiêm túc theo đúng các điều khoản của hợp đồng số 14/HĐTM/SVLC-BH tháng 7/2009 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ-SVLC-BH ngày 29/9/2011 (giữa Công ty và Công ty cổ phần Kim loại Màu Bắc Hà); tránh nguy cơ thất thoát vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;

1.3.3. Công tác quản lý đất đai: Công ty khẩn trương làm việc với các cơ quan chức năng để thực hiện việc giải quyết dứt điểm việc tranh chấp, lấn chiếm đất đai kéo dài tại cơ sở nhà đất tại số 100/9 Đường Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh; Công ty lên phương án đầu tư nhằm khai thác tối đa lợi thế về đất tại cơ sở nhà, đất đai tại số 293 Đường Điện Biên Phủ, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh;

## 2. Đối với Bộ Thương binh - Lao động và Xã hội

Thông qua người đại diện phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp, đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước theo các nội dung kiến nghị tại biên bản này;

Đề nghị Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế Sovilaco chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Lao động Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Kiểm toán nhà nước chuyên ngành III, địa chỉ 116 Nguyễn Chánh, Cầu Giấy, Hà Nội trước ngày 30/3/2020. Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện (với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do). Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, ghi chép chứng từ theo hướng dẫn tại Phụ lục 01/HSKT-KTNN kèm theo.

Thông báo này gồm 06 trang, từ trang 01 đến trang 06 và phụ lục số 01,02,02b,05/HSKT-KTNN là bộ phận không tách rời của Thông báo này./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Lao động Thương binh & Xã hội;
- Vụ Tổng hợp;
- Vụ Chế độ và KSCLKT;
- KTNN chuyên ngành III;
- Lưu: ĐKT, VT.

**TL.TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC  
KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTNN CHUYÊN NGÀNH III**



*Lê Đình Thăng*  
Lê Đình Thăng

## HƯỚNG DẪN GHI CHÉP CHỨNG TỪ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

1. Đối với kiến nghị tăng thu về thuế, phí, thu khác và các khoản chi sai,... nộp tại kho bạc nhà nước: Các chứng từ nộp tiền vào kho bạc nhà nước nơi đơn vị được kiểm toán giao dịch (giấy nộp tiền, ủy nhiệm chi, giấy nộp trả kinh phí, lệnh chuyển có,...) ngoài việc ghi rõ nội dung và số tiền cụ thể theo quy định, còn phải ghi rõ: “*Nộp tiền thực hiện theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... (và Công văn số .... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước nếu có) đồng thời đánh dấu vào ô KTNN trên giấy nộp tiền vào NSNN*”. Đối với trường hợp kiến nghị cơ quan thuế xử phạt, truy thu thuế đối với các đơn vị: Quyết định xử phạt, truy thu của cơ quan quản lý thuế ghi rõ nội dung “*xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ....*”; Giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước ghi rõ: “*Nộp tiền xử phạt, truy thu theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ....*”.
2. Đối với kiến nghị giảm thanh toán vốn đầu tư XD/CB, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư: Các chứng từ (Quyết định phê duyệt quyết toán; Hồ sơ thanh toán; Biên bản xác nhận công nợ; Quyết định điều chỉnh dự toán; Hợp đồng điều chỉnh,...) phải ghi rõ: “*Giảm thanh toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... (và Công văn số ... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán xác nhận (trường hợp Dự án đã quyết toán dự án hoàn thành) hoặc văn bản giải trình có xác nhận của chủ đầu tư và bên nhận thầu (trường hợp dự án chưa quyết toán).
3. Đối với kiến nghị giảm dự toán chi thường xuyên: Các quyết định (giao dự toán, giảm dự toán,...) phải ghi rõ “*Giảm dự toán số tiền ..... (số tiền cụ thể) theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm ..... (và Công văn số ... ngày .../... /... của Kiểm toán nhà nước/KV... gửi kho bạc nhà nước nếu có)*”. Trường hợp vì lý do nào đó, chứng từ không ghi rõ nội dung, đơn vị được kiểm toán có trách nhiệm đề nghị cơ quan ban hành quyết định trên xác nhận nội dung và số tiền thực hiện kiến nghị của KTNN.
4. Đối với kiến nghị thông qua phương thức bù trừ: Văn bản xác nhận của cơ quan thuế ghi rõ “*nội dung và số tiền bù trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế GTGT thuyết minh rõ “*nội dung số thuế GTGT còn được khấu trừ theo kiến nghị của KTNN*”; Tờ khai thuế TNDN thuyết minh rõ “*số thuế TNDN tăng thêm do thực hiện giảm lỗ theo kiến nghị của KTNN*”.



Phụ lục số 02/HSKT-KTNN

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018**

Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội  
tại Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế SOVILACO

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi tiêu Đơn vị	Mã số thuế	Tổng số	Các khoản thuế			Phí, lệ phí	Thu khác
				GTGT	TNDN	Thuế khác		
1	Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế	0300467483	22.487.130	22.487.130				
	<b>Tổng cộng</b>		<b>22.487.130</b>	<b>22.487.130</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**THUYẾT MINH KẾT QUẢ KIỂM TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018**

Qua kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công năm 2018 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội tại Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế SOVILACO

Đơn vị tính: Đồng

STT	Đơn vị/chỉ tiêu	Mã số thuế	Số tiền	Thuyết minh nguyên nhân	Ghi chú
I	<b>Thuế GTGT</b>				
1	Công ty Cổ phần Nhân lực Quốc tế	0300467483	22.487.130	KTNN xác định lại số thuế GTGT còn phải nộp tăng đối với doanh thu cho thuê phòng tại Trường Trung cấp nghề Nhân lực Quốc tế 13.909.090đ và hàng hóa là quà tặng đối tác tại Văn phòng Công ty 8.578.040đ	

**PHỤ LỤC XÁC NHẬN QUYẾT TOÁN  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NHÂN LỰC QUỐC TẾ SOVILACO**

## I.. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## 1. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2018

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>29.028.723.078</b>	<b>29.028.723.078</b>	-
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.068.115.121</b>	<b>4.068.115.121</b>	-
1. Tiền	111	4.068.115.121	4.068.115.121	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>9.500.000.000</b>	<b>9.500.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	-	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9.500.000.000	9.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>14.847.635.696</b>	<b>14.847.635.696</b>	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.856.945.693	1.856.945.693	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	49.557.068	49.557.068	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	-	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	12.941.132.935	12.941.132.935	-
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	-	-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-
1. Hàng tồn kho	141	-	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>612.972.261</b>	<b>612.972.261</b>	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	612.972.261	612.972.261	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>48.931.969.430</b>	<b>48.931.969.430</b>	-
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>1.510.000.000</b>	<b>1.510.000.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	1.510.000.000	1.510.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>44.768.230.321</b>	<b>44.768.230.321</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	19.551.066.851	19.551.066.851	-
- Nguyên giá	222	44.789.909.663	44.789.909.663	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(25.238.842.812)	(25.238.842.812)	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
- Nguyên giá	225	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	25.217.163.470	25.217.163.470	-
- Nguyên giá	228	31.100.602.292	31.100.602.292	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(5.883.438.822)	(5.883.438.822)	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	-
- Nguyên giá	231	-	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-	-

9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	923.184.572	900.697.442	(22.487.130)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	137.407.017	137.407.017	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	785.777.555	763.290.425	(22.487.130)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>603.173.856</b>	<b>603.173.856</b>	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	603.173.856	603.173.856	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>77.960.692.508</b>	<b>77.960.692.508</b>	-

**\* Nguyên nhân chênh lệch:**

<b>1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng</b>	<b>22.487.130 đ</b>
- Giải thích tại biểu thuế.	22.487.130 đ
<b>2 LNST chưa phân phối kỳ này giảm</b>	<b>22.487.130 đ</b>
Xác định thuế GTGT đối với doanh thu cho thuê phòng tại Trường Trung cấp nghề Nhân lực quốc tế	13.909.090 đ
Thuế GTGT còn phải nộp trong năm tăng 8.578.041 đồng do đơn vị chưa xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đối với hàng hóa bán ra là quà tặng cho đối tác	8.578.040 đ

**2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	01	26.570.581.270	26.570.581.270	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	26.570.581.270	26.570.581.270	-
4. Giá vốn hàng bán	11	16.693.445.346	16.693.445.346	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-4)	20	9.877.135.924	9.877.135.924	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	750.966.162	750.966.162	-
7. Chi phí tài chính	22	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	747.889.000	747.889.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.538.902.890	8.538.902.890	-
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-8-9)	30	1.341.310.196	1.341.310.196	-
11. Thu nhập khác	31	113.570.011	113.570.011	-
12. Chi phí khác	32	303.386.164	303.386.164	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(189.816.153)	(189.816.153)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1.151.494.043	1.151.494.043	-
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	365.716.488	365.716.488	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	785.777.555	785.777.555	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	240	240	-

**\* Nguyên nhân chênh lệch: Không**

**3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2018**

**3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>			
1. Thuế GTGT	-	-	-
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3. Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
5. Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-
6. Thuế tài nguyên	-	-	-

7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8.Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
<b>II.Các khoản phải thu khác</b>	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
<b>Tổng cộng =I+II</b>	-	-	-
<b>III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	-	-	-

### 3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A	1	2	3=2-1
<b>I. Thuế</b>	<b>594.657.186</b>	<b>617.144.316</b>	<b>22.487.130</b>
1.Thuế GTGT	68.106.150	90.593.280	22.487.130
2.Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-
3.Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-
4.Thuế thu nhập doanh nghiệp	356.532.780	356.532.780	-
5.Thuế thu nhập cá nhân	170.018.256	170.018.256	-
6.Thuế tài nguyên	-	-	-
7.Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	-
8.Các loại thuế khác	-	-	-
9. Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-
<b>II.Các khoản phải nộp khác</b>	-	-	-
1.Các khoản phụ thu	-	-	-
2. Các khoản phí, lệ phí	-	-	-
3. Các khoản khác	-	-	-
<b>Tổng cộng =I+II</b>	<b>594.657.186</b>	<b>617.144.316</b>	<b>22.487.130</b>
<b>III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	-	-	-

\* Nguyên nhân chênh lệch:

<b>THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC TĂNG</b>	<b>22.487.130 đ</b>
<b>1 Thuế giá trị gia tăng tăng</b>	<b>22.487.130 đ</b>
Xác định thuế GTGT đối với doanh thu cho thuê phòng tại Trường Trung cấp nghề Nhân lực quốc tế	13.909.090 đ
Thuế GTGT còn phải nộp trong năm tăng 8.578.040 đồng do đơn vị chưa xuất hóa đơn và kê khai thuế GTGT đối với hàng hóa bán ra là quà tặng cho đối tác số tiền 85.780.409đ (thuế suất 10%).	8.578.040 đ